



1. MỤC TIÊU, YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ NỘI DUNG DẠY HỌC ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Mục tiêu

Chương trình môn Ngữ văn, ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018, quy định mục tiêu dạy học Tiếng Việt ở cấp tiểu học như sau:

- Giúp HS hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu với các biểu hiện cụ thể: yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương; có ý thức đối với cội nguồn; yêu thích cái đẹp, cái thiện và có cảm xúc lành mạnh; có hứng thú học tập, ham thích lao động; thật thà, ngay thẳng trong học tập và đời sống; có ý thức thực hiện trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, xã hội và môi trường xung quanh.
- Giúp HS bước đầu hình thành các năng lực chung, phát triển năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe với mức độ căn bản: đọc đúng, trôi chảy văn bản; hiểu được nội dung, thông tin chính của văn bản; liên hệ, so sánh ngoài văn bản; viết đúng chính tả, ngữ pháp; viết được một số câu, đoạn, bài văn ngắn (chủ yếu là bài văn kể và tả); phát biểu rõ ràng; nghe hiểu ý kiến người nói.
- Phát triển năng lực văn học của HS với yêu cầu phân biệt được thơ và truyện, biết cách đọc thơ và truyện; nhận biết được vẻ đẹp của ngôn từ nghệ thuật; có trí tưởng tượng, hiểu và biết xúc động trước cái đẹp, cái thiện của con người và thế giới xung quanh được thể hiện trong các văn bản văn học.

1.2. Yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học

Mục tiêu dạy học Tiếng Việt ở cấp tiểu học thực hiện qua 5 lớp, từ lớp 1 đến lớp 5, được “phân giải” thành các yêu cầu cần đạt đối với các hoạt động: đọc, viết, nói và nghe. Ngoài các kĩ năng tiếng Việt, mục tiêu về các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cũng đạt được thông qua các hoạt động này. Để đạt được các yêu cầu về đọc, viết, nói và nghe ở mỗi lớp, Chương trình quy định một số nội dung dạy học tối thiểu, bao gồm những kiến thức về tiếng Việt, văn học và định hướng lựa chọn ngữ liệu. Sau đây là yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học ở lớp 1.

LỚP 1

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<p style="text-align: center;">ĐỌC</p> <p>KĨ THUẬT ĐỌC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngồi (hoặc đứng) thẳng lưng; sách, vở mở rộng trên mặt bàn (hoặc trên hai tay). Giữ khoảng cách giữa mắt với sách, vở khoảng 25cm. - Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (có thể đọc chưa thật đúng một số tiếng có vần khó, ít dùng). - Đọc đúng và rõ ràng đoạn văn hoặc văn bản ngắn. Tốc độ đọc khoảng 40 – 60 tiếng trong 1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu kết thúc câu hay ở chỗ kết thúc dòng thơ. - Bước đầu biết đọc thầm. - Nhận biết được bìa sách và tên sách. <p style="text-align: center;">ĐỌC HIỂU</p> <p>Văn bản văn học</p> <p>Đọc hiểu nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh. - Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý, hỗ trợ. <p>Đọc hiểu hình thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được hình dáng, hành động của nhân vật thể hiện qua một số từ ngữ trong câu chuyện dựa vào gợi ý của GV. - Nhận biết được lời nhân vật trong truyện dựa vào gợi ý của GV. <p>Liên hệ, so sánh, kết nối</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ được tranh minh họa với các chi tiết trong văn bản. - Nêu được nhân vật yêu thích nhất và bước đầu biết giải thích vì sao. 	<p style="text-align: center;">KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Âm, vần, thanh; chữ và dấu thanh 1.2. Quy tắc chính tả phân biệt: <i>c và k, g và gh, ng và ngh</i> 1.3. Quy tắc viết hoa: viết hoa chữ cái đầu câu, viết hoa tên riêng 2. Vốn từ theo chủ điểm: Từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm gắn gũi 3. Công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi: đánh dấu kết thúc câu 4.1. Từ xưng hô thông dụng khi giao tiếp ở nhà và ở trường 4.2. Một số nghi thức giao tiếp thông dụng ở nhà và ở trường: chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, xin phép 5. Thông tin bằng hình ảnh (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) <p style="text-align: center;">KIẾN THỨC VĂN HỌC</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Câu chuyện, bài thơ 2. Nhân vật trong truyện <p style="text-align: center;">NGŨ LIỆU</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Văn bản văn học <ul style="list-style-type: none"> - Cổ tích, ngụ ngôn, truyện ngắn, truyện tranh, đoạn văn miêu tả

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<p>Đọc mở rộng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 10 văn bản văn học có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. – Thuộc lòng 4 – 5 đoạn thơ hoặc bài thơ đã học, mỗi đoạn thơ, bài thơ có độ dài khoảng 30 – 40 chữ. <p>Văn bản thông tin</p> <p>Đọc hiểu nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản về các chi tiết nổi bật trong văn bản. – Trả lời được câu hỏi: “Văn bản này viết về điều gì?” với sự gợi ý, hỗ trợ. <p>Đọc hiểu hình thức</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được trình tự của các sự việc trong văn bản. – Hiểu nghĩa của một số tín hiệu đơn giản, gắn gũi với HS. <p>Đọc mở rộng</p> <p>Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 5 văn bản thông tin có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học.</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Đoạn thơ, bài thơ (gồm cả đồng dao) <p>Độ dài của văn bản: truyện và đoạn văn miêu tả khoảng 90 – 130 chữ, thơ khoảng 50 – 70 chữ</p> <p>1.2. Văn bản thông tin: giới thiệu những sự vật, sự việc gắn gũi với HS</p> <p>Độ dài của văn bản: khoảng 90 chữ</p> <p>2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý</p> <p>3. Các từ ngữ có ý nghĩa tích cực, phù hợp với HS lớp 1</p>
<p style="text-align: center;">VIẾT</p> <p>KĨ THUẬT VIẾT</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết ngồi viết đúng tư thế: ngồi thẳng lưng; hai chân đặt vuông góc trên mặt đất; một tay úp đặt lên góc vở, một tay cầm bút; không tì ngực vào mép bàn; khoảng cách giữa mắt và vở khoảng 25cm; cầm bút bằng ba ngón tay (ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa). – Viết đúng chữ viết thường, chữ số (từ 0 đến 9); biết viết chữ hoa. – Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng các chữ <i>c, k, g, gh, ng, ngh</i>. – Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30 – 35 chữ theo các hình thức nhìn – viết (tập chép), nghe – viết. Tốc độ viết khoảng 30 – 35 chữ trong 15 phút. 	

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<p style="text-align: center;">VIẾT CÂU, ĐOẠN VĂN NGẮN</p> <p>Quy trình viết Bước đầu trả lời được những câu hỏi như: Viết về ai? Viết về cái gì, việc gì?</p> <p>Thực hành viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điền được phần thông tin còn trống, viết được câu trả lời, viết câu dưới tranh phù hợp với nội dung câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe. - Điền được vào phần thông tin còn trống, viết câu nói về hình dáng hoặc hoạt động của nhân vật dưới tranh trong câu chuyện đã học dựa trên gợi ý. - Điền được phần thông tin còn trống, viết câu trả lời hoặc viết lại câu đã nói để giới thiệu bản thân dựa trên gợi ý. 	
<p style="text-align: center;">NÓI VÀ NGHE</p> <p>Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói rõ ràng, thành câu. Biết nhìn vào người nghe khi nói. - Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. - Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe. - Biết giới thiệu ngắn về bản thân, gia đình, đồ vật yêu thích dựa trên gợi ý. - Kể lại được một đoạn hoặc cả câu chuyện đơn giản đã đọc, xem hoặc nghe (dựa vào các tranh minh họa và lời gợi ý dưới tranh). <p>Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. - Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học. - Nghe một câu chuyện và trả lời được các câu hỏi: Ai? Cái gì? Khi nào? Ở đâu? <p>Nói nghe tương tác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. - Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản 	